|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /2024/TT-BGTVT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO lần 2**

**08.9.2024**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ**

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 06 năm 2024;*

*Căn cứ Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 06 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của* *Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục* *Đường bộ Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tổ chức,* *quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải *hành khách, hàng hóa* bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải *hành khách, hàng hóa* bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các từ ngữ sau: Bến xe; Vận tải trung chuyển hành khách; Trọng tải thiết kế của xe ô tô; Trọng tải được phép chở của xe ô tô; Giờ xuất bến của từng chuyến xe; Hành trình chạy xe; Lịch trình chạy xe; Biểu đồ chạy xe; Phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải; Bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải; Trực tiếp điều hành phương tiện, người lái xe; Trường hợp bất khả kháng; Cơ sơ dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) ngày …. tháng …. năm 2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định số …/2024/NĐ-CP).

2. Điểm dừng đón, trả khách (bao gồm cả điểm dừng xe buýt) là nơi dừng xe trên đường bộ dành cho xe ô tô hoạt động theo tuyến cố định dừng để hành khách lên, xuống xe trên hành trình chạy xe.

3. Nơi đỗ xe của đơn vị kinh doanh vận tải là vị trí thuộc sở hữu của đơn vị hoặc đi thuê hoặc hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân để đỗ xe phù hợp với quy mô của đơn vị mình, bảo đảm các yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

4. Giao nhiệm vụ cho lái xe điều khiển phương tiện để thực hiện vận chuyển thông qua phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải là việc tổ chức hoặc cá nhân sử dụng phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải để tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng, lựa chọn phương tiện, lái xe phù hợp, chuyển thông tin về yêu cầu vận chuyển cho người lái xe điều khiển phương tiện thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.

5. Giao nhiệm vụ cho lái xe điều khiển phương tiện để thực hiện vận chuyển thông qua Hợp đồng vận chuyển theo quy định là việc tổ chức hoặc cá nhân sử dụng Hợp đồng vận chuyển để giao nhiệm vụ cho người lái xe điều khiển phương tiện thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.

6. Giao nhiệm vụ cho lái xe điều khiển phương tiện để thực hiện vận chuyển thông qua Lệnh vận chuyển là việc tổ chức hoặc cá nhân sử dụng Lệnh vận chuyển để giao nhiệm vụ cho người lái xe điều khiển phương tiện thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.

7. Giao nhiệm vụ cho lái xe điều khiển phương tiện để thực hiện vận chuyển thông qua Giấy vận tải là việc tổ chức hoặc cá nhân sử dụng Giấy vận tải để giao nhiệm vụ cho người lái xe điều khiển phương tiện thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.

8. Quyết định giá cước vận tải là việc đơn vị kinh doanh vận tải xác định giá cước vận tải để thông tin cho khách hàng hoặc trực tiếp thoả thuận với khách hàng để thống nhất mức giá trước khi thực hiện vận chuyển.

9. Người có trình độ chuyên môn về vận tải là người có chứng chỉ sơ cấp chuyên ngành vận tải hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành vận tải trở lên.

10. Trạm dừng nghỉ đường bộ (sau đây gọi là trạm dừng nghỉ) là công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ, được xây dựng dọc theo tuyến đường cao tốc, quốc lộ hoặc tỉnh lộ để cung cấp các dịch vụ phục vụ người và phương tiện tham gia giao thông.

11. Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng.

12. Bến xe hàng là công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô giao nhận hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hóa.

**Chương II**

**KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

**Mục 1. YÊU CẦU CHUNG**

**Điều 4. Quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách**

1. Thực hiện điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

2. Quản lý và sử dụng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch về bảo dưỡng kỹ thuật (sau đây gọi chung là bảo dưỡng) và sửa chữa phương tiện để đảm bảo các phương tiện phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định tại Thông tư số [53/2014/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-53-2014-tt-bgtvt-bao-duong-ky-thuat-sua-chua-phuong-tien-giao-thong-co-gioi-duong-bo-254537.aspx) ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

b) Lập, cập nhật đầy đủ quá trình hoạt động của phương tiện vào lý lịch phương tiện hoặc phần mềm quản lý phương tiện của đơn vị với các thông tin tối thiểu theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Cập nhật dữ liệu lý lịch phương tiện thông qua phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

d) Sử dụng xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải hành khách đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 11 Điều 11 và Điều 12 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

3. Quản lý người lái xe kinh doanh vận tải hành khách

a) Sử dụng người lái xe để điều khiển xe khách có giường nằm hai tầng đảm bảo có kinh nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 11 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx);

b) Lập, cập nhật đầy đủ quá trình hoạt động của lái xe vào lý lịch hành nghề người lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe với các thông tin tối thiểu theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Cập nhật dữ liệu lý lịch hành nghề người lái xe thông qua phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

d) Đảm bảo việc người lái xe thực hiện đúng quy định về thời gian làm việc trong ngày, thời gian người lái xe liên tục và thời gian nghỉ theo quy định tại khoản 12 Điều 11 của Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

4. Trực tiếp điều hành phương tiện, người lái xe của đơn vị mình để thực hiện vận chuyển hành khách theo một trong các hình thức sau:

a) Thông qua phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải;

b) Thông qua Lệnh vận chuyển;

c) Thông qua Hợp đồng vận chuyển.

5. Quyết định giá cước vận tải đối với hoạt động kinh doanh vận tải của đơn vị.

6. Xây dựng hoặc áp dụng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ

a) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi phải xây dựng hoặc áp dụng tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành. Trường hợp tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định trước khi tham gia khai thác tuyến hoặc khi có thay đổi chất lượng dịch vụ phải gửi thông báo mức chất lượng dịch vụ trên tuyến đến bến xe hai đầu tuyến.

7. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động vận tải của đơn vị để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; thời gian lưu trữ tối thiểu 03 năm.

**Điều 5. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải cho lái xe kinh doanh vận tải**

1. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách

a) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải cho lái xe kinh doanh vận tải theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 12 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx);

b) Đối với nhân viên phục vụ trên xe (nếu có), đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện tập huấn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 78 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

2. Đơn vị tổ chức tập huấn, tổ chức kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 12 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

3. Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, giám sát việc tập huấn theo quy định tại khoản 8 Điều 12 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

**Mục 2. KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH**

**Điều 6. Tiêu chí thiết lập tuyến**

1. Có hệ thống đường bộ được công bố khai thác trên toàn bộ hành trình.

2. Có bến xe nơi đi, bến xe nơi đến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố đưa vào khai thác.

3. Mã số tuyến vận tải hành khách cố định

a) Tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh có mã số tuyến được xác định bởi mã số tỉnh, thành phố nơi đi, nơi đến; mã số bến xe khách nơi đi, nơi đến. Mã số tuyến được đánh theo thứ tự: tỉnh, thành phố có mã số nhỏ đứng trước tỉnh, thành phố có mã số lớn; bến xe khách của tỉnh, thành phố có mã số nhỏ đứng trước bến xe khách của tỉnh, thành phố có mã số lớn. Trường hợp tuyến có nhiều hành trình khác nhau thì bổ sung thêm ký tự trong bảng chữ cái Tiếng Việt (A, B, C) vào cuối của dãy số;

b) Tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh có mã số tuyến được xác định bởi mã số tỉnh, thành phố; mã số bến xe khách nơi đi, nơi đến. Mã số tuyến được đánh theo thứ tự: mã số tỉnh, thành phố; bến xe khách có mã số nhỏ; bến xe khách có mã số lớn. Trường hợp tuyến có nhiều hành trình khác nhau thì bổ sung thêm ký tự trong bảng chữ cái Tiếng Việt (A, B, C) vào cuối của dãy số.

4. Thời gian giãn cách giữa các chuyến xe và tổng lưu lượng của tuyến

a) Thời gian giãn cách giữa các chuyến xe tại bến xe phải được xác định trên cơ sở thống nhất của hai Sở Giao thông vận tải; Sở Giao thông vận tải nơi có đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác lấy ý kiến thống nhất với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia. Trong cùng một thời điểm, thời gian giãn cách giữa hai chuyến xe liền kề nhau có thể xuất phát cùng giờ xuất bến;

b) Tổng lưu lượng của tuyến cố định phải được xác định bằng tổng số chuyến trên tháng; đối với tuyến có nhiều hành trình thì phải xác định lưu lượng cho từng hành trình.

**Điều 7. Hướng dẫn về tổ chức, quản lý và tiêu chí điểm dừng đón, trả khách tuyến cố định**

1. Tiêu chí của điểm dừng đón, trả khách

a) Điểm dừng đón, trả khách chỉ được bố trí tại các vị trí đảm bảo an toàn giao thông, thuận tiện cho hành khách lên, xuống xe;

b) Có đủ diện tích để xe dừng đón, trả khách bảo đảm không ảnh hưởng đến các phương tiện lưu thông trên đường;

c) Điểm dừng đón, trả khách sử dụng bằng Biển chỉ dẫn áp dụng cho tuyến cố định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

d) Khoảng cách tối thiểu giữa 02 điểm dừng đón, trả khách liền kề hoặc giữa điểm dừng đón, trả khách với trạm dừng nghỉ hoặc với bến xe hai đầu tuyến do Sở Giao thông vận tải căn cứ tình hình thực tế và việc tổ chức giao thông của địa phương mình để xác định.

2. Tổ chức, quản lý điểm dừng đón, trả khách

a) Điểm dừng đón, trả khách chỉ phục vụ các xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định đón, trả khách; không sử dụng cho hoạt động khác;

b) Tại điểm dừng đón, trả khách chỉ cho phép mỗi xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định được dừng tối đa không quá 03 phút;

c) Sở Giao thông vận tải địa phương xác định vị trí điểm dừng đón, trả khách tuyến cố định (đối với các tuyến quốc lộ phải thống nhất với cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; đối với các tuyến đường do Ủy ban nhân dân cấp huyện (thành phố) quản lý phải thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện (thành phố)) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

d) Sở Giao thông vận tải tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, quản lý, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự và vệ sinh môi trường tại khu vực điểm dừng đón, trả khách trên địa bàn địa phương;

đ) Điểm dừng đón, trả khách được đầu tư, xây dựng theo nguyên tắc sau: đối với các tuyến đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng, chủ đầu tư có trách nhiệm đưa vào thành một hạng mục trong dự án đầu tư xây dựng; đối với các tuyến đường bộ hiện đang khai thác, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng theo hình thức xã hội hóa hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước;

e) Sở Giao thông vận tải ra văn bản thông báo về việc đưa vào khai thác hoặc ngừng khai thác điểm dừng đón, trả khách trên tuyến cố định.

**Điều 8. Niêm yết thông tin**

1. Niêm yết trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải các thông tin sau: danh mục các tuyến trên địa bàn địa phương (sau khi cơ quan có thẩm quyền công bố); danh sách tuyến đang khai thác; tổng số chuyến xe tối đa được phép hoạt động vận chuyển trên từng tuyến trong một đơn vị thời gian và tổng số chuyến xe đã đăng ký hoạt động; danh sách các đơn vị vận tải hiện đang hoạt động vận chuyển trên tuyến; biểu đồ chạy xe theo tuyến; số điện thoại di động đường dây nóng của Sở Giao thông vận tải.

2. Niêm yết tại bến xe các thông tin sau: danh sách các tuyến, lịch xe xuất bến của các chuyến xe đang hoạt động tại bến; danh sách các đơn vị vận tải kinh doanh khai thác trên từng tuyến; số điện thoại di động đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Giao thông vận tải địa phương.

3. Niêm yết tại quầy bán vé các thông tin sau: tên đơn vị kinh doanh vận tải, tên tuyến, giá vé (giá cước) đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này, lịch xe xuất bến của từng chuyến xe, dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, khối lượng hành lý miễn cước.

4. Niêm yết trên xe

a) Niêm yết ở phía trên kính trước: tên bến xe nơi đi, tên bến xe nơi đến; chiều cao chữ tối thiểu 06 cm.

b) Niêm yết ở mặt ngoài hai bên thân xe hoặc hai bên cánh cửa xe: tên và số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải với kích thước tối thiểu: chiều dài là 20 cm, chiều rộng là 20 cm; giá vé (giá cước) đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Niêm yết ở trong xe: biển số đăng ký xe (biển kiểm soát xe), giá vé (giá cước) đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này, hành trình chạy xe, dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, khối lượng hành lý miễn cước, số điện thoại di động đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải, của Sở Giao thông vận tải nơi cấp phù hiệu, biển hiệu.

5. Trách nhiệm niêm yết và cung cấp thông tin niêm yết:

a) Sở Giao thông vận tải thực hiện niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Bến xe thực hiện niêm yết tại bến xe và niêm yết tại quầy bán vé của tuyến do bến xe nhận ủy thác bán vé theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

c) Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện niêm yết trên xe và niêm yết tại quầy bán vé do đơn vị tự bán vé theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

d) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải cung cấp cho bến xe liên quan các thông tin quy định phải niêm yết tại bến xe.

**Điều 9. Quy định đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định**

1. Thực hiện các quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

2. Được niêm yết thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư này.

3. Số lượng, chất lượng, cách bố trí ghế ngồi, giường nằm trong xe phải đảm bảo đúng theo thiết kế của xe và được đánh số thứ tự lớn dần từ trái sang phải theo hàng ghế và từ phía trước đến phía sau xe.

4. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số [136/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-136-2020-nd-cp-huong-dan-luat-phong-chay-va-chua-chay-458292.aspx) ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị đính số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ).

5. Có phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Phù hiệu được dán cố định tại góc trên bên phải ngay sát phía dưới vị trí của Tem kiểm định, mặt trong kính chắn gió phía trước của xe.

6. Phía sau ghế ngồi hoặc bên cạnh giường nằm phải có Bảng hướng dẫn về an toàn giao thông và thoát hiểm, các nội dung chính gồm: quy định dây an toàn phải được cài chặt trước khi xe chạy và hướng dẫn cài dây an toàn (nếu có); hướng dẫn sắp xếp hành lý; bảng cấm hút thuốc lá trên xe; hướng dẫn sử dụng hệ thống điện trên xe (nếu có); hướng dẫn cách sử dụng bình cứu hỏa, búa thoát hiểm và hướng thoát hiểm khi xảy ra sự cố.

7. Trong cùng một thời điểm, mỗi xe chỉ được đăng ký và khai thác tối đa 02 tuyến vận tải hành khách cố định, các tuyến này được phép nối tiếp nhau (có bến xe nơi đến của tuyến đã kết thúc hành trình là bến xe nơi đi của tuyến tiếp theo), 02 tuyến có thể xuất phát/kết thúc từ 04 bến xe khách khác nhau hoặc 03 bến xe khách khác nhau (trong trường hợp nối tuyến) và được cấp 01 phù hiệu (trên phù hiệu ghi tên 02 tuyến).

**Điều 10. Quy định sử dụng xe trung chuyển hành khách**

1. Xe trung chuyển thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 5 Điều 4 và điểm a khoản 3 Điều 24 của Nghị định số […../2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx); niên hạn được tính theo quy định về niên hạn của xe ô tô chở người quy định tại Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đường bộ và Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024 của Chính phủ.

2. Niêm yết ở mặt ngoài hai bên thân xe hoặc hai bên cánh cửa xe: tên và số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải. Kích thước tối thiểu: chiều dài là 20 cm, chiều rộng là 20 cm.

3. Phù hiệu cấp cho xe trung chuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 11. Quy định về quản lý tuyến**

1. Đối với tuyến nội tỉnh: Sở Giao thông vận tải thực hiện các nội dung quản lý tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định […../2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

2. Đối với tuyến liên tỉnh: Sở Giao thông vận tải nơi cấp phù hiệu chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để thực hiện các nội dung quản lý tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và phối hợp Sở Giao thông vận tải nơi phát sinh các vấn đề về quản lý vận tải, trật tự, an toàn giao thông trên tuyến để xử lý.

3. Sở Giao thông vận tải sử dụng phần mềm của Bộ Giao thông vận tải để: thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh; thống nhất với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh và báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp, công bố. Định kỳ trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố danh mục mạng lưới tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh; Cục Đường bộ Việt Nam công bố danh mục mạng lưới tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh.

4. Sở Giao thông vận tải địa phương (đối với tuyến nội tỉnh) và Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến (đối với tuyến liên tỉnh) thống nhất và công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở các thông tin chi tiết của từng tuyến gồm: bến xe nơi đi, bến xe nơi đến, hành trình; tổng số chuyến xe và giờ xuất bến của từng chuyến xe đã có đơn vị tham gia khai thác và thời gian giãn cách tối thiểu giữa các chuyến xe liền kề; công suất bến xe hai đầu tuyến.

5. Trường hợp xảy ra dịch bệnh nguy hiểm, thiên tai, bão lụt ảnh hưởng đến hoạt động của tuyến cố định, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến thống nhất tạm thời điều chỉnh giảm số chuyến xe thực tế hoặc tạm ngừng hoạt động của tuyến trong thời gian xảy ra dịch bệnh nguy hiểm, thiên tai, bão lụt theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Báo cáo kết quả điều chỉnh về Cục Đường bộ Việt Nam.

**Điều 12. Bổ sung, thay thế xe khai thác trên tuyến**

1. Bổ sung, thay thế xe khai thác trên tuyến

Đơn vị kinh doanh vận tải được thay thế xe đang khai thác trên tuyến hoặc được bổ sung xe nếu việc bổ sung không làm tăng số chuyến xe. Xe được bổ sung, thay thế vào tuyến nào phải được cấp phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” có ghi tên tuyến đó và phải đảm bảo các yêu cầu về loại phương tiện tham gia khai thác tuyến đã đăng ký.

2. Thay thế xe đột xuất

a) Đơn vị kinh doanh vận tải được sử dụng phương tiện bất kỳ của đơn vị mình đã được cấp phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” để thay thế khi xe đang hoạt động trên tuyến gặp sự cố kỹ thuật hoặc tai nạn giao thông hoặc do nguyên nhân bất khả kháng khác. Trường hợp đơn vị không bố trí được phương tiện thay thế, Sở Giao thông vận tải quyết định việc điều động phương tiện của đơn vị khác trên tuyến để thay thế;

b) Xe thay thế đột xuất phải có Lệnh vận chuyển của đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 13. Quy định về tăng cường phương tiện giải tỏa hành khách**

1. Hoạt động tăng cường phương tiện để giải tỏa hành khách trên tuyến cố định thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) .

2. Xe hoạt động trên các tuyến cố định, xe vận chuyển hành khách theo hợp đồng và xe buýt được sử dụng để tăng cường giải tỏa hành khách vào các dịp Lễ, Tết và các kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, tuyển sinh đại học, cao đẳng; việc cấp phù hiệu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 của Nghị định […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) .

3. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch tăng cường phương tiện giải tỏa hành khách (trong đó có danh sách phương tiện, người lái xe được điều động) và tổ chức thực hiện. Thời gian ban hành kế hoạch tăng cường giải tỏa hành khách đảm bảo trước các dịp Lễ, Tết và các kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng tối thiểu 07 ngày.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác tuyến cố định căn cứ vào nhu cầu đi lại, thống nhất với bến xe khách xây dựng phương án tăng cường phương tiện trên tuyến do đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác vào các ngày cuối tuần (thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật) có lượng khách tăng đột biến (trong đó có tổng số chuyến xe tăng cường và ngày thực hiện). Thông báo phương án tăng cường phương tiện trên tuyến vào các ngày cuối tuần đến Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để thực hiện.

5. Trong thời gian xe được bố trí tăng cường, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, các bến xe liên quan và các đơn vị có xe tăng cường thực hiện theo dõi, giám sát và quản lý hoạt động của phương tiện, người lái xe theo các quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định.

6. Khi tăng cường phương tiện, bến xe khách đầu tuyến (lượt đi) chủ trì ghi thời gian xe chạy và xác nhận vào Lệnh vận chuyển theo quy định, thông báo về chuyến xe tăng cường cho bến xe khách đầu tuyến bên kia để bố trí thời gian thực hiện chuyến xe lượt về. Bến xe khách đầu tuyến bên kia ghi thời gian và xác nhận chuyến xe lượt về vào Lệnh vận chuyển theo quy định; trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải đề nghị không thực hiện chuyến xe lượt về, bến xe khách chỉ thực hiện xác nhận xe đến bến vào Lệnh vận chuyển theo quy định.

**Điều 14. Quy định về Lệnh vận chuyển**

1. Lệnh vận chuyển bằng bản giấy hoặc điện tử do đơn vị kinh doanh vận tải tự phát hành theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này. Ngoài những nội dung bắt buộc quy định tại Phụ lục 6, đơn vị kinh doanh vận tải được bổ sung những nội dung khác để phục vụ công tác quản lý của đơn vị.

Khi thực hiện chuyến đi, lái xe mang theo Lệnh vận chuyển bằng bản giấy hoặc có thiết bị truy cập được nội dung của Lệnh vận chuyển điện tử; xuất trình Lệnh vận chuyển bản giấy hoặc bản điện tử khi lực lượng chức năng yêu cầu.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm quản lý, cấp và kiểm tra việc sử dụng Lệnh vận chuyển; lưu trữ Lệnh vận chuyển của các chuyến xe đã thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 năm.

3. Bến xe khách có trách nhiệm cập nhật vào phần mềm quản lý bến xe thông tin về lệnh vận chuyển đã được đóng dấu xác nhận.

**Điều 15. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định**

1. Áp dụng các biện pháp để tổ chức, thực hiện đúng, đầy đủ phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô đã đăng ký.

2. Thực hiện các quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

3. Theo dõi, quản lý việc sử dụng phù hiệu, Lệnh vận chuyển của đơn vị; ghi thông tin trên Lệnh vận chuyển và cấp cho người lái xe theo đúng các quy định về quản lý vận tải; lưu trữ Lệnh vận chuyển đã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư này.

4. Có trách nhiệm thanh toán tối thiểu 90% tiền vé cho hành khách đã mua vé nhưng từ chối chuyến đi trước khi xe khởi hành ít nhất 02 giờ đối với tuyến cố định có cự ly từ 300 km trở xuống và ít nhất 04 giờ đối với tuyến cố định có cự ly trên 300 km; thanh toán tối thiểu 70% tiền vé cho hành khách đã mua vé nhưng từ chối chuyến đi trước khi xe khởi hành ít nhất 01 giờ đối với tuyến cố định có cự ly từ 300 km trở xuống và ít nhất 02 giờ đối với tuyến cố định có cự ly trên 300 km.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải khi nhận hàng hóa ký gửi xe ô tô tuyến cố định (người gửi hàng không đi theo xe) phải yêu cầu người gửi hàng cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về hàng hóa và họ tên, địa chỉ, số chứng minh thư nhân dân/số thẻ căn cước công dân, số điện thoại liên hệ của người gửi và người nhận hàng; không được nhận hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống, hàng hóa là thực phẩm bẩn. Việc bồi thường hàng hóa ký gửi khi hư hỏng, mất mát, thiếu hụt được thực hiện theo hợp đồng vận chuyển hoặc theo thỏa thuận giữa đơn vị kinh doanh vận tải và người gửi hàng.

6. Xây dựng quy định nội bộ về đồng phục và thẻ tên cho người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe (nếu có), thẻ nhận dạng người lái xe; thẻ tên phải có ảnh, ghi rõ họ tên, đơn vị quản lý, thẻ tên có thể kết hợp với thẻ nhận dạng người lái xe.

7. Có quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách có hành vi gây rối trật tự công cộng, gây cản trở công việc của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; hành khách có hình vi gian lận vé hoặc hành khách đang bị dịch bệnh nguy hiểm; hành khách mang hàng cấm hoặc hàng dễ cháy, nổ, động vật sống.

8. Được sử dụng thiết bị điện tử để niêm yết thông tin theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Thông tư này.

9. Không được chở quá số người được phép chở, không được chở vượt quá khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô.

10. Không được sử dụng xe có phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" để hoạt động kinh doanh vận tải.

11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx), quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe tuyến cố định**

1. Đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo đúng mẫu của đơn vị kinh doanh vận tải đã quy định; mang theo Lệnh vận chuyển đối với chuyến xe đang khai thác.

2. Thực hiện đúng Lệnh vận chuyển do đơn vị kinh doanh vận tải cấp; đảm bảo an ninh, trật tự trên xe; đón, trả khách tại bến xe nơi đi, bến xe nơi đến, các điểm dừng đón, trả khách và chạy đúng hành trình.

3. Không được chở quá số người cho phép chở, không được chở vượt quá khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô; hành lý, hàng hóa ký gửi phải được xếp dàn đều trong khoang chở hành lý, đảm bảo không bị xê dịch trong quá trình vận chuyển; không được chở hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống, hàng hóa là thực phẩm bẩn. Khi nhận hàng hóa ký gửi theo xe ô tô tuyến cố định (người gửi hàng không đi theo xe) phải yêu cầu người gửi hàng cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về hàng hóa và họ tên, địa chỉ, số chứng minh thư nhân dân/số thẻ căn cước công dân, số điện thoại liên hệ của người gửi và người nhận hàng.

4. Có trách nhiệm đảm bảo mọi hành khách trên xe đều có vé; hướng dẫn, sắp xếp cho hành khách ngồi, nằm đúng chỗ theo vé, phổ biến các quy định khi đi xe, giúp đỡ hành khách; bố trí chỗ ngồi, nằm ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai và trẻ em; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; có trách nhiệm sơ cứu hành khách có biểu hiện đau ốm, sinh nở.

5. Có trách nhiệm yêu cầu bến xe khách xác nhận thông tin quy định trong Lệnh vận chuyển trước khi xe xuất bến và khi xe về bến.

6. Có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

7. Có quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách có hành vi gây rối trật tự công cộng, gây cản trở công việc của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe (nếu có); hành khách có hình vi gian lận vé hoặc hành khách đang bị dịch bệnh nguy hiểm; hành khách mang hàng cấm hoặc hàng dễ cháy, nổ, động vật sống.

8. Có trách nhiệm từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe hoặc có lắp thiết bị nhưng không hoạt động theo quy định.

9. Giữ gìn vệ sinh phương tiện, không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động, phá (hoặc làm nhiễu) sóng GPS, GSM hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe lắp trên xe.

10. Có trách nhiệm điều khiển xe có mặt tại bến xe khách trước giờ xe xuất bến tối thiểu 10 phút để thực hiện công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và các tác nghiệp khác tại bến xe theo quy trình bảo đảm an toàn giao thông.

11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của hành khách đi xe**

1. Được yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đã đăng ký và niêm yết.

2. Được yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe xuất vé đúng loại sau khi trả tiền; giữ vé suốt hành trình và xuất trình vé khi người có thẩm quyền kiểm tra.

3. Được nhận lại số tiền vé theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Thông tư này.

4. Được khiếu nại, kiến nghị, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải, người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

5. Chấp hành các quy định khi đi xe để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trên xe; lên, xuống xe tại bến xe hoặc các điểm dừng đón, trả khách theo quy định.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Mục 3. KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT**

**Điều 18. Quy định đối với xe buýt**

1. Thực hiện đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) .

2. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số [136/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-136-2020-nd-cp-huong-dan-luat-phong-chay-va-chua-chay-458292.aspx) ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị đính số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ).

3. Có phù hiệu “XE BUÝT” theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này. Phù hiệu được dán cố định tại góc trên bên phải ngay sát phía dưới vị trí của Tem kiểm định, mặt trong kính chắn gió phía trước của xe.

4. Niêm yết thông tin:

a) Niêm yết bên ngoài xe:

Phía trên kính trước và sau xe: số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến, điểm đầu, điểm cuối của tuyến; chiều cao chữ tối thiểu 06 cm;

Hai bên thành xe: số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến, số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải với kích thước tối thiểu: chiều dài là 20 cm, chiều rộng là 20 cm; giá vé (giá cước) đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Niêm yết bên trong xe: biển số đăng ký xe (biển kiểm soát xe), số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến; sơ đồ vị trí điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng dọc tuyến; giá vé (giá cước) đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này; số điện thoại di động đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải và Sở Giao thông vận tải địa phương; trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và hành khách;

c) Bên trong xe có Bảng hướng dẫn về an toàn giao thông và thoát hiểm ở vị trí hành khách dễ quan sát, các nội dung chính gồm: hướng dẫn cài dây an toàn (nếu có); hướng dẫn sắp xếp hành lý; biển cấm hút thuốc lá trên xe; hướng dẫn sử dụng hệ thống điện trên xe (nếu có); hướng dẫn cách sử dụng bình cứu hỏa, búa thoát hiểm và hướng thoát hiểm khi xảy ra sự cố.

**Điều 19. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt, Lệnh vận chuyển**

1. Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt

a) Có đủ diện tích cho xe buýt quay trở đầu xe, đỗ xe đảm bảo an toàn giao thông;

b) Có bảng thông tin các nội dung: tên tuyến; số hiệu tuyến; hành trình; tần suất chạy xe; thời gian hoạt động trong ngày của tuyến; số điện thoại của cơ quan quản lý tuyến và đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến; trách nhiệm của hành khách, người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe (nếu có);

c) Có nhà chờ cho hành khách.

2. Điểm dừng xe buýt

a) Khu vực xe buýt dừng đón, trả khách được báo hiệu bằng biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy định; trên biển báo hiệu phải ghi số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến, tên tuyến (điểm đầu - điểm cuối), hành trình tuyến rút gọn ở phía sau biển báo;

b) Sở Giao thông vận tải công bố mẫu biển báo điểm dừng xe buýt áp dụng trong phạm vi địa phương mình.

3. Tại các bến xe khách, nhà ga đường sắt, cảng hàng không, cảng, bến thủy nội địa, cảng biển có hành trình tuyến xe buýt đi qua phải bố trí điểm dừng đón, trả khách cho xe buýt để kết nối với các phương thức vận tải khác.

4. Nhà chờ xe buýt

a) Sở Giao thông vận tải công bố mẫu nhà chờ xe buýt áp dụng trong phạm vi địa phương mình;

b) Tại nhà chờ xe buýt phải niêm yết các thông tin: số hiệu tuyến, tên tuyến, hành trình, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động trong ngày của tuyến, số điện thoại di động đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải và Sở Giao thông vận tải địa phương, bản đồ hoặc sơ đồ mạng lưới tuyến.

5. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải được xây dựng đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

6. Lệnh vận chuyển

a) Lệnh vận chuyển bằng bản giấy hoặc điện tử do đơn vị kinh doanh vận tải tự phát hành theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Ngoài những nội dung bắt buộc quy định tại Phụ lục 6, đơn vị kinh doanh vận tải được bổ sung những nội dung khác để phục vụ công tác quản lý của đơn vị.

Khi thực hiện chuyến đi, lái xe mang theo Lệnh vận chuyển bằng bản giấy hoặc có thiết bị truy cập được nội dung của Lệnh vận chuyển điện từ; xuất trình Lệnh vận chuyển bản giấy hoặc bản điện tử khi lực lượng chức năng yêu cầu.

b) Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm quản lý, cấp và kiểm tra việc sử dụng Lệnh vận chuyển; lưu trữ Lệnh vận chuyển đã thực hiện trong thời gian tối thiểu 05 năm.

**Điều 20. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm: đường (hoặc làn đường) dành riêng hoặc ưu tiên cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, biển báo, nhà chờ, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe buýt, bến xe buýt.

2. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác hoặc từ nguồn xã hội hóa.

3. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý, đầu tư xây dựng hoặc xã hội hóa đầu tư xây dựng, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại địa phương theo phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 21. Công bố mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Sở Giao thông vận tải công bố mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại địa phương theo danh mục mạng lưới tuyến được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Đối với các tuyến xe buýt đi qua địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, căn cứ vào danh mục mạng lưới tuyến đã được phê duyệt, việc công bố mở tuyến do Sở Giao thông vận tải có tuyến xe buýt nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh thực hiện sau khi có văn bản thống nhất của Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia và Sở Giao thông vận tải có hành trình tuyến đi qua. Trường hợp tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất với Bộ Giao thông vận tải trước khi công bố mở tuyến.

2. Nội dung công bố mở tuyến xe buýt

a) Đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến;

b) Số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến; cự ly; hành trình (điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng);

c) Biểu đồ chạy xe, thời gian hoạt động của tuyến;

d) Nhãn hiệu, sức chứa, màu sơn đặc trưng của xe hoạt động trên tuyến;

đ) Giá vé.

3. Sở Giao thông vận tải phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này chậm nhất 15 ngày, trước khi thực hiện hoạt động vận chuyển hành khách trên tuyến xe buýt.

**Điều 22. Quản lý vận tải hành khách bằng xe buýt**

1. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình vận tải bằng xe buýt được đăng ký tham gia đấu thầu hoặc được đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Sở Giao thông vận tải địa phương ký hợp đồng khai thác tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng. Trong hợp đồng phải thể hiện rõ phương án khai thác tuyến bao gồm: tên tuyến, số hiệu tuyến, nhãn hiệu xe, sức chứa của xe, giá vé, biểu đồ chạy xe trên tuyến, thời hạn hợp đồng.

4. Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ, hành trình chạy xe trên tuyến xe buýt nội tỉnh khi có sự thay đổi về tổ chức giao thông dẫn đến phải thay đổi hành trình hoặc trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc trong trường hợp bất khả kháng khác hoặc theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác tuyến phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế tại từng thời điểm; đơn vị kinh doanh vận tải điều chỉnh phương án khai thác tuyến tương ứng với biểu đồ chạy xe mới điều chỉnh; Sở Giao thông vận tải và đơn vị kinh doanh vận tải ký, đóng dấu xác nhận phương án khai thác mới là một phần của hợp đồng khai thác tuyến.

5. Đối với các tuyến xe buýt đi qua địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, việc điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, ngừng khai thác hoặc đóng tuyến do Sở Giao thông vận tải có tuyến xe buýt nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh thực hiện sau khi có văn bản thống nhất với Sở Giao thông vận tải địa phương đầu tuyến bên kia; thông báo đến các Sở Giao thông vận tải có tuyến xe buýt đi qua trước khi thực hiện.

6. Quyết định điều chỉnh biểu đồ chạy xe được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất 10 ngày trước khi thực hiện.

**Điều 23. Quy định về ngừng khai thác trên tuyến, đóng tuyến xe buýt; bổ sung xe, thay thế xe buýt khai thác trên tuyến**

1. Ngừng khai thác trên tuyến, đóng tuyến xe buýt

a) Trước khi ngừng khai thác ít nhất 30 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải có văn bản thông báo ngừng khai thác trên tuyến gửi Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Trường hợp ngừng khai thác dẫn đến phải thay đổi tần suất chạy xe trên tuyến hoặc phải đóng tuyến, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị kinh doanh vận tải Sở Giao thông vận tải nơi nơi cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (hoặc thống nhất với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia đối với tuyến xe buýt liên tỉnh) để công bố tần suất chạy xe mới hoặc công bố đóng tuyến trên cơ sở đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm công bố các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo;

c) Sau thời điểm ngừng khai thác tối đa 05 ngày làm việc, đơn vị kinh doanh vận tải phải nộp lại phù hiệu của các xe ngừng khai thác cho Sở Giao thông vận tải nơi cấp.

2. Bổ sung xe, thay thế xe buýt

a) Đơn vị kinh doanh vận tải được thay thế xe đang khai thác trên tuyến hoặc được bổ sung xe nếu việc bổ sung không làm tăng số chuyến xe. Xe được bổ sung, thay thế phải có phù hiệu “XE BUÝT” và phải đảm bảo các yêu cầu về loại phương tiện tham gia khai thác tuyến theo hợp đồng đã ký kết;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải được sử dụng các phương tiện bất kỳ của đơn vị mình đã được cấp phù hiệu “XE BUÝT” để thay thế xe đột xuất khi xe đang hoạt động trên tuyến gặp sự cố kỹ thuật hoặc tai nạn giao thông hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác.

**Điều 24. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Áp dụng các biện pháp để tổ chức, thực hiện đúng biểu đồ chạy xe theo phương án khai thác đã ký kết trong hợp đồng.

2. Thực hiện các quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

3. Xây dựng quy định nội bộ về đồng phục và thẻ tên cho người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, thẻ nhận dạng người lái xe; thẻ tên phải có ảnh, ghi rõ họ tên, đơn vị quản lý, thẻ tên có thể kết hợp với thẻ nhận dạng người lái xe.

4. Được sử dụng thiết bị điện tử để niêm yết thông tin theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Thông tư này.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đường bộ, Nghị định số […../2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt**

1. Đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo đúng mẫu Đơn vị kinh doanh vận tải đã quy định.

2. Thực hiện đúng biểu đồ, hành trình chạy xe đã được phê duyệt.

3. Cung cấp thông tin về hành trình tuyến, các điểm dừng trên tuyến khi hành khách yêu cầu; hướng dẫn và giúp đỡ hành khách (đặc biệt là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai và trẻ em) khi lên, xuống xe; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự.

4. Có quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách gây mất an ninh, trật tự, an toàn trên xe hoặc đang bị dịch bệnh nguy hiểm; có quyền từ chối và không được chở hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống, hàng hóa là thực phẩm bẩn hoặc hành lý có khối lượng, kích thước vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư này.

5. Có trách nhiệm từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh hoặc có lắp thiết bị nhưng không hoạt động.

6. Giữ gìn vệ sinh phương tiện, không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động, phá (hoặc làm nhiễu) sóng GPS, GSM hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xelắp trên xe.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 26. Quyền hạn, trách nhiệm của hành khách đi xe buýt**

1. Được mang theo hành lý với trọng lượng không quá 10 kg và kích thước không quá 30x40x60 cm. Đối với hành khách đi trên xe của tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không, tuyến xe buýt liên tỉnh hành khách được mang theo hành lý với trọng lượng không quá 20 kg và với kích thước phù hợp với thiết kế của xe.

2. Chấp hành các quy định khi đi xe và sự hướng dẫn của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

3. Yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe xuất vé đúng loại sau khi trả tiền; giữ vé suốt hành trình và xuất trình vé khi người có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra.

4. Được khiếu nại, kiến nghị, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải, người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

5. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […../2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Mục 4. KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE TAXI**

**Điều 27. Quy định đối với xe taxi**

1. Xe taxi thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 của Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

2. Thực hiện niêm yết thông tin như sau:

a) Hai bên cánh cửa xe: tên, số điện thoại và biểu trưng (logo) của Đơn vị kinh doanh vận tải với kích thước tối thiểu: chiều dài là 20 cm, chiều rộng là 20 cm; bảng giá cước đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong xe: bảng giá cước tính tiền theo kilômét (km), giá cước tính tiền cho thời gian xe phải chờ đợi theo yêu cầu của hành khách và các chi phí khác (nếu có) mà hành khách phải trả; bảng giá cước đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp xe taxi sử dụng phần mềm tính tiền còn phải hiển thị trên giao diện dành cho hành khách bảng giá cước đã kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trên xe phải đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số [136/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-136-2020-nd-cp-huong-dan-luat-phong-chay-va-chua-chay-458292.aspx) ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị đính số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ).

4. Phù hiệu của xe taxi

a) Phù hiệu “XE TAXI” theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phù hiệu được dán cố định tại góc trên bên phải ngay sát phía dưới vị trí của Tem kiểm định, mặt trong kính chắn gió phía trước của xe.

5. Cụm từ “XE TAXI” làm bằng vật liệu phản quang niêm yết (dán cố định) trên kính phía trước và kính phía sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp xe có gắn hộp đèn).

6. Trong xe phải có Bảng hướng dẫn về an toàn giao thông và thoát hiểm cho hành khách, các nội dung chính gồm: hướng dẫn cài dây an toàn (nếu có); bảng cấm hút thuốc lá trên xe; hướng dẫn đóng, mở cửa xe đảm bảo an toàn.

**Điều 28. Điểm dừng đón, trả khách công cộng, điểm đỗ xe taxi**

1. Điểm dừng đón, trả khách công cộng cho xe taxi phải đảm bảo an toàn giao thông và được báo hiệu bằng biển báo, vạch sơn kẻ đường theo quy định.

2. Điểm đỗ xe taxi

a) Điểm đỗ xe taxi gồm 02 loại: điểm đỗ xe taxi do Đơn vị kinh doanh vận tải tổ chức và quản lý; điểm đỗ xe taxi công cộng do cơ quan quản lý nhà nước của địa phương tổ chức và quản lý;

b) Yêu cầu đối với điểm đỗ xe taxi: đảm bảo trật tự, an toàn và không gây ùn tắc giao thông; đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

**Điều 29. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi**

1. Thực hiện các quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

2. Xây dựng quy định đồng phục và thẻ tên cho người lái xe, thẻ nhận dạng người lái xe; thẻ tên phải có ảnh, ghi rõ họ tên, đơn vị quản lý, thẻ tên có thể kết hợp với thẻ nhận dạng người lái xe.

3. Được sử dụng thiết bị điện tử để niêm yết thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư này.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 30. Quyền hạn, trách nhiệm của người lái xe taxi**

1. Đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo đúng quy định của Đơn vị kinh doanh vận tải.

2. Thu tiền cước theo đồng hồ tính tiền hoặc theo thông báo trên phần mềm; in hóa đơn hoặc phiếu thu (hoặc gửi hóa đơn điện tử) cho hành khách khi hành khách đã thanh toán đủ tiền.

3. Giữ gìn vệ sinh phương tiện, không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động, phá (hoặc làm nhiễu) sóng GPS, GSM hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô.

4. Cung cấp thông tin về tuyến đường khi hành khách yêu cầu; hướng dẫn và giúp đỡ hành khách (đặc biệt là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai và trẻ em) khi lên, xuống xe.

5. Có quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách có hành vi gây mất an ninh, trật tự, an toàn trên xe hoặc đang bị dịch bệnh nguy hiểm; không được chở hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống, hàng hóa không có nguồn gốc, xuất xứ, hàng hóa là thực phẩm bẩn.

6. Có trách nhiệm từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không có thiết bị giám sát hành trình hoặc có lắp thiết bị nhưng không hoạt động.

7. Người lái xe điều khiển phương tiện tính tiền thông qua phần mềm, trong quá trình vận chuyển hành khách phải có thiết bị truy cập được giao diện thể hiện các nội dung tối thiểu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 của Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và cung cấp cho lực lượng chức năng khi có yêu cầu.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […../2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 31. Quyền hạn, trách nhiệm của hành khách đi xe taxi**

1. Yêu cầu người lái xe cung cấp thông tin về hành trình chạy xe.

2. Trả tiền cước theo đồng hồ tính tiền hoặc theo phần mềm tính tiền và nhận hóa đơn hoặc phiếu thu đúng số tiền thanh toán. Trường hợp tiền cước chuyến đi theo thoả thuận giữa hành khách với đơn vị kinh doanh vận tải thì tính theo biểu chi phí niêm yết trên xe taxi hoặc thông qua phần mềm tính tiền của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.

3. Chấp hành các quy định khi đi xe và sự hướng dẫn của người lái xe.

4. Được khiếu nại, kiến nghị, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải, người lái xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Mục 5. KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO HỢP ĐỒNG BẰNG XE Ô TÔ**

**Điều 32. Quy định đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng**

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng phải đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số […../2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

2. Niêm yết thông tin sau: tên và số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải

a) Kích thước tối thiểu: chiều dài là 20 cm, chiều rộng là 20 cm;

b) Vị trí niêm yết: phần đầu mặt ngoài hai bên thân xe hoặc hai bên cánh cửa xe.

3. Cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” làm bằng vật liệu phản quang niêm yết (dán cố định) trên kính phía trước và kính phía sau xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Số lượng, chất lượng, cách bố trí ghế ngồi trong xe phải đảm bảo đúng theo thiết kế của xe.

5. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số [136/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-136-2020-nd-cp-huong-dan-luat-phong-chay-va-chua-chay-458292.aspx) ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị đính số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ).

6. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng phải có phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG” theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Phù hiệu được dán cố định tại góc trên bên phải ngay sát phía dưới vị trí của Tem kiểm định, mặt trong kính chắn gió phía trước của xe.

8. Phía sau ghế ngồi hoặc bên cạnh giường nằm phải có Bảng hướng dẫn về an toàn giao thông và thoát hiểm (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), các nội dung chính gồm: hướng dẫn cài dây an toàn (nếu có); hướng dẫn sắp xếp hành lý; bảng cấm hút thuốc lá trên xe; hướng dẫn sử dụng hệ thống điện trên xe (nếu có); hướng dẫn cách sử dụng bình cứu hỏa, búa thoát hiểm và hướng thoát hiểm khi xảy ra sự cố.

9. Điểm đầu (vị trí đón khách đầu tiên ghi trong hợp đồng vận chuyển), điểm cuối (vị trí trả khách cuối cùng ghi trong hợp đồng vận chuyển) trùng lặp trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng được xác định là vị trí nằm trên mặt đường hoặc tại vị trí có địa chỉ gắn với tên tuyến phố (tên tuyến đường), tên ngõ (hẻm) trong đô thị.

**Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng**

1. Thực hiện các quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng phải thực hiện quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 7 của Nghị định số …./2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng quy định nội bộ về đồng phục và thẻ tên cho người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe (nếu có), thẻ nhận dạng người lái xe; thẻ tên phải có ảnh, ghi rõ họ tên, đơn vị quản lý, thẻ tên có thể kết hợp với thẻ nhận dạng người lái xe.

4. Được sử dụng thiết bị điện tử để niêm yết thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Thông tư này.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 34. Quyền hạn và trách nhiệm người lái xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng**

1. Thực hiện vận chuyển hành khách theo đúng hành trình, lịch trình đã thông báo với Sở Giao thông vận tải. Đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo đúng quy định của đơn vị kinh doanh vận tải.

2. Người lái xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng phải thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 4, điểm b khoản 6 và khoản 7 Điều 7 của Nghị định số …/2024/NĐ-CP.

3. Người lái xe điều khiển phương tiện có sử dụng phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải trong quá trình vận chuyển hành khách phải có thiết bị truy cập được giao diện thể hiện hợp đồng vận tải điện tử, danh sách hành khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giữ gìn vệ sinh phương tiện, không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động, phá (hoặc làm nhiễu) sóng GPS, GSM hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (đối với loại phương tiện bắt buộc phải lắp) lắp trên xe.

5. Từ chối vận chuyển đối với hành khách có hành vi gây mất an ninh, trật tự, an toàn trên xe; có quyền từ chối vận chuyển hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, hoặc động vật sống.

6. Có quyền từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (đối với loại phương tiện bắt buộc phải lắp) hoặc có lắp nhưng không hoạt động.

7. Không chở quá số người được phép chở và không vượt quá khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô; hành lý phải được xếp dàn đều trong khoang chở hành lý, đảm bảo không bị xê dịch trong quá trình vận chuyển; không được chở hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống, hàng hóa là thực phẩm bẩn.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Chương III**

**HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG XE Ô TÔ**

**Điều 35. Quy định về xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa**

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng các quy định tại khoản 5 Điều 8 và Điều 14 của Nghị định số […../2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) .

2. Phải được niêm yết các thông tin theo quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Vị trí niêm yết thông tin

a) Đối với xe ô tô tải, xe đầu kéo: niêm yết ở mặt ngoài hai bên cánh cửa buồng lái;

b) Đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc có thùng chở hàng: niêm yết ở mặt ngoài hai bên thùng xe;

c) Đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc không có thùng chở hàng: niêm yết thông tin trên bảng bằng kim loại được gắn với khung xe tại vị trí dễ quan sát bên cạnh hoặc phía sau.

4. Xe ô tô vận tải hàng hóa phải có kích thước thùng xe đúng theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

5. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số [136/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-136-2020-nd-cp-huong-dan-luat-phong-chay-va-chua-chay-458292.aspx) ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị đính số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ).

6. Phù hiệu “XE TẢI” gắn trên xe tải theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này; phù hiệu “XE ĐẦU KÉO” gắn trên xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Phù hiệu được dán cố định tại góc trên bên phải ngay sát phía dưới vị trí của Tem kiểm định, mặt trong kính chắn gió phía trước của xe.

**Điều 36. Quy định về Giấy vận tải**

1. Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) do đơn vị kinh doanh vận tải phát hành và phải đảm bảo theo quy định tại khoản 10 Điều 8 của Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx).

2. Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) do đơn vị vận tải đóng dấu và cấp cho người lái xe mang theo trong quá trình vận chuyển hàng hóa trên đường; trường hợp là hộ kinh doanh thì chủ hộ phải ký, ghi rõ họ tên vào Giấy vận tải (Giấy vận chuyển).

3. Sau khi xếp hàng lên phương tiện và trước khi thực hiện vận chuyển thì chủ hàng (hoặc người được chủ hàng ủy quyền), hoặc đại diện đơn vị hoặc cá nhân (nếu là cá nhân) thực hiện xếp hàng lên xe phải ký xác nhận việc xếp hàng đúng quy định vào Giấy vận tải.

**Điều 37. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa**

1. Thực hiện các quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

2. Trực tiếp điều hành phương tiện, người lái xe của đơn vị mình để thực hiện vận chuyển hàng hóa theo một trong các hình thức sau:

a) Thông qua phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải;

b) Thông qua Hợp đồng vận chuyển;

c) Thông qua Giấy vận tải (Giấy vận chuyển).

3. Quyết định giá cước vận tải đối với hoạt động kinh doanh vận tải của đơn vị.

4. Có trách nhiệm phổ biến cho người lái xe việc chấp hành quy định của pháp luật về trọng tải của phương tiện lưu thông trên đường; không được tổ chức hoặc yêu cầu người lái xe bốc xếp và vận chuyển hàng hóa vượt quá khối lượng cho phép theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm liên đới nếu xe thuộc quyền quản lý của đơn vị thay đổi các thông số kỹ thuật của xe trái với quy định, vận chuyển hàng hóa vượt quá khối lượng cho phép tham gia giao thông.

5. Chịu trách nhiệm khi người lái xe chở hàng hóa vượt quá khối lượng cho phép tham gia giao thông theo quy định của pháp luật.

6. Đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải phải trang bị cho người lái xe thiết bị truy cập được giao diện thể hiện hợp đồng vận tải điện tử, giấy vận tải (giấy vận chuyển) điện tử.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tư, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 38. Quyền hạn, trách nhiệm của người lái xe kinh doanh vận tải hàng hóa**

1. Khi vận chuyển hàng hóa, người lái xe phải mang theo Giấy vận tải (Giấy vận chuyển) và các giấy tờ của người lái xe và phương tiện theo quy định của pháp luật. Người lái xe điều khiển phương tiện có sử dụng phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải phải có thiết bị truy cập được giao diện thể hiện hợp đồng vận tải điện tử, giấy vận tải (giấy vận chuyển) điện tử trong quá trình vận chuyển.

2. Trước khi thực hiện vận chuyển hàng hóa, người lái xe yêu cầu người chịu trách nhiệm xếp hàng hóa lên xe ký xác nhận việc xếp hàng vào Giấy vận tải (Giấy vận chuyển); từ chối vận chuyển nếu việc xếp hàng không đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (đối với loại phương tiện bắt buộc phải lắp) hoặc có lắp nhưng không hoạt động; phương tiện xếp hàng vượt quá khối lượng hàng hóa cho phép tham gia giao thông.

4. Không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động, phá (hoặc làm nhiễu) sóng GPS, GSM hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (đối với loại phương tiện bắt buộc phải lắp) lắp trên xe.

5. Không chở quá khối lượng hàng hóa cho phép tham gia giao thông hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tư, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Chương IV**

**QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẾN XE, BÃI ĐỖ XE, TRẠM DỪNG NGHỈ, ĐIỂM DỪNG XE**

**Điều 39. Quy định về hoạt động của bến xe khách**

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về hợp tác xã.

2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác bến xe khách:

a) Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô đối với bến xe khách;

b) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng và chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường trong bến xe khách; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh trong phạm vi bến xe khách;

c) Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất; phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của bến xe khách, thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về bến xe khách;

d) Thực hiện việc ký kết hợp đồng với các đơn vị vận tải theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh vận tải tại bến xe khách;

đ) Niêm yết nội quy của bến xe khách và hình thức xử lý, chế tài kèm theo khi vi phạm nội quy của bến xe khách;

e) Thực hiện quản lý, áp dụng thông tin từ phần mềm quản lý bến xe khách theo quy định.

Trang bị phần mềm quản lý bến xe khách và lưu trữ các thông tin xe xuất bến: Thông tin xe, người lái, thông tin tuyến thực hiện, thời gian xe xuất bến, thời gian xe đến bến, số hành khách trên xe;

Thông tin do bến xe khách cung cấp được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải, bến xe khách và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông vận tải khi có yêu cầu;

Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào phần mềm quản lý bến xe khách cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khi có yêu cầu;

Cập nhật, lưu trữ có hệ thống các thông tin về phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải hoạt động tại bến và các thông tin tại điểm a khoản này tối thiểu 03 năm;

Trực tiếp thực hiện các quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản này hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua hợp đồng có hiệu lực pháp lý.

g) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất tình hình hoạt động của bến xe khách theo yêu cầu của Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương;

i) Báo cáo Sở Giao thông vận tải địa phương các quy định của đơn vị về quyền hạn, trách nhiệm, danh sách, chức vụ và chữ ký của những người được giao nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận vào Lệnh vận chuyển;

k) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về bến xe khách theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

l) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải tại bến xe khách

a) Các đơn vị vận tải trước khi hoạt động tại bến xe khách phải tiến hành ký kết hợp đồng và thực hiện nghiêm túc hợp đồng đã ký kết với bến xe khách;

b) Chấp hành các nội quy, quy định, quy trình giải quyết cho xe ra, vào bến của đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách và những quy định pháp luật liên quan khác.

4. Trách nhiệm của hành khách tại bến xe khách

a) Giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe khách;

b) Chấp hành nội quy, quy định và hướng dẫn của nhân viên bến xe khách.

5. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đầu tư xây dựng bến xe khách phù hợp với các quy định hiện hành;

b) Đầu tư xây dựng bến xe khách phải tuân thủ trình tự quản lý đầu tư xây dựng và các quy định liên quan khác của pháp luật; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình và bảo vệ môi trường, an ninh trật tự tại địa phương.

6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phương án tổ chức và quản lý bến xe khách trên địa bàn;

b) Thực hiện công bố và công bố lại việc đưa bến xe khách vào khai thác, công bố tạm ngừng, chấm dứt hoạt động bến xe khách trên địa bàn địa phương; Trường hợp tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động bến xe khách thì phải công bố trước thời điểm bến xe khách tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động tối thiểu 90 ngày. Văn bản công bố phải đồng thời gửi đến Cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp quản lý;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của các bến xe khách trên địa bàn địa phương;

d) Chỉ đạo các bến xe khách trên địa bàn thực hiện áp dụng phần mềm quản lý bến xe khách;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác bến xe khách trên địa bàn địa phương;

e) Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương xây dựng các tiêu chí cho bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 đối với các bến xe khách thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, ban hành.

g) Định kỳ hàng tháng, Sở Giao thông vận tải công bố thông tin về danh mục các bến xe khách trên địa bàn trên Trang thông tin điện tử của Sở.

7. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của bến xe khách trong phạm vi toàn quốc;

b) Quy định và hướng dẫn cách ghi mã số bến xe khách thống nhất trong toàn quốc;

c) Ban hành các loại biểu mẫu dùng cho công tác thống kê, báo cáo về hoạt động của bến xe khách;

d) Thống kê, tổng hợp các dữ liệu về hệ thống bến xe khách trong toàn quốc;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý các vi phạm đối với các cơ quan, đơn vị quản lý, đơn vị khai thác bến xe khách trong toàn quốc.

**Điều 40. Quy định về trình tự, thủ tục đưa bến xe khách vào khai thác**

1. Thủ tục công bố lần đầu

a) Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính);

b) Hồ sơ đề nghị công bố gồm:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

c) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác có giá trị trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký.

2. Thủ tục công bố lại

a) Đơn vị khai thác bến xe khách phải làm hồ sơ và nộp cho Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có bến xe khách để đề nghị công bố, xếp loại lại bến xe khách trong các trường hợp:

- Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách;

- Trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

b) Hồ sơ đề nghị công bố lại bao gồm:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

c) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lại:

- Chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác có giá trị trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký.

3. Quy định về kiểm tra, giám sát thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý, khai thác bến xe khách chịu trách nhiệm duy trì các tiêu chí quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách. Khi tiến hành cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách phải báo cáo với Sở Giao thông vận tải để kiểm tra công bố lại bến xe khách theo quy định;

b) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách trên địa bàn địa phương báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động, tình hình an ninh trật tự, việc duy trì, đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và các nội dung cần thiết khác;

c) Cơ quan có thẩm quyền công bố đưa bến xe khách vào khai thác định kỳ 3 năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động; việc chấp hành các quy định của đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách; việc duy trì các điều kiện phân loại bến xe khách theo Quy chuẩn này. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố xếp loại lại bến xe khách;

d) Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức kiểm tra việc xếp loại công bố bến xe khách theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách của Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp kết luận kiểm tra có sự khác biệt về loại bến xe khách so với loại bến đã công bố, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện việc công bố xếp loại lại bến xe khách cho phù hợp với kết luận kiểm tra của Cục Đường bộ Việt Nam.

**Điều 41. Quy định về hoạt động của bến xe hàng**

1. Bến xe hàng đáp ứng đầy đủ các nội dung theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng.

2. Nội dung kinh doanh bến xe hàng

a) Dịch vụ xe ra, vào bến;

b) Dịch vụ xếp, dỡ hàng hóa;

c) Dịch vụ trông giữ phương tiện vận tải hàng hóa;

d) Kinh doanh các dịch vụ khác hỗ trợ cho hoạt động vận tải hàng hóa theo quy định của pháp luật.

3. Quy định đối với đơn vị kinh doanh bến xe hàng

a) Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 10 Điều 11 của Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx);

b) Đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy, nổ tại bến xe hàng;

c) Niêm yết công khai nội quy bến xe hàng, giá các dịch vụ tại bến xe, tên và số điện thoại Sở Giao thông vận tải địa phương để chủ xe phản ánh, khiếu nại khi cần thiết;

d) Bồi thường thiệt hại cho người sử dụng dịch vụ nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng tài sản, hàng hóa trong thời gian đơn vị cung ứng dịch vụ theo Hợp đồng giữa hai bên đã ký kết hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài;

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Kinh doanh các loại dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này;

g) Thu giá dịch vụ xe ra, vào bến xe theo quy định;

h) Không được để các chủ phương tiện kinh doanh vận tải sử dụng bến xe hàng để đón, trả khách;

i) Có quyền từ chối phục vụ đối với khách hàng không chấp hành nội quy bến xe;

k) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phương án tổ chức và quản lý bến xe hàng trên địa bàn;

b) Tiếp nhận văn bản công bố của đơn vị kinh doanh bến xe hàng trên địa bàn địa phương;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng đối với các đơn vị kinh doanh bến xe hàng trên địa bàn địa phương;

d) Định kỳ hàng tháng, Sở Giao thông vận tải công bố thông tin về danh mục các bến xe hàng trên địa bàn trên Trang thông tin điện tử của Sở.

5. Cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng trên toàn quốc.

**Điều 42. Quy định về trình tự, thủ tục đưa bến xe hàng vào khai thác**

1. Bến xe hàng chỉ được đưa vào khai thác sau khi đơn vị kinh doanh bến xe hàng công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số …../2024/NĐ-CP. Văn bản công bố theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bến xe hàng sau khi nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình có ảnh hưởng đến các yếu tố kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng thì thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này để tiếp tục duy trì hoạt động.

3. Tổ chức thực hiện

a) Đơn vị kinh doanh bến xe hàng: Tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng và các quy định pháp luật có liên quan trong suốt quá trình khai thác, sử dụng bến xe hàng; Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trước khi đưa bến xe hàng vào khai thác và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin công bố;

b) Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận văn bản công bố của đơn vị kinh doanh bến xe hàng trên địa bàn địa phương; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng đối với các đơn vị kinh doanh bến xe hàng trên địa bàn địa phương;

c) Cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng.

4. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới tương ứng.

**Điều 43. Quy định về hoạt động của trạm dừng nghỉ**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã được phê duyệt và các quy định của Quy chuẩn ký thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ.

b) Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ phải tuân thủ trình tự quản lý đầu tư xây dựng và các quy định liên quan khác của pháp luật; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình, bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

a) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại trạm dừng nghỉ;

b) Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường tại trạm dừng nghỉ;

c) Cung cấp các dịch vụ miễn phí tại mọi thời điểm cho người có nhu cầu sử dụng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ;

d) Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất; phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của trạm dừng nghỉ, thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về trạm dừng nghỉ;

đ) Niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại trạm dừng nghỉ theo quy định; niêm yết nội quy của trạm dừng nghỉ;

e) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình hoạt động cho Sở Giao thông vận tải địa phương. Báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu đột xuất của cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương.

3. Trách nhiệm của người sử dụng trạm dừng nghỉ

a) Giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực trạm dừng nghỉ;

b) Chấp hành nội quy, quy định và hướng dẫn của nhân viên tại trạm dừng nghỉ.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 44. Quy định về trình tự, thủ tục đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác**

1. Trạm dừng nghỉ chỉ được đưa vào khai thác sau khi đơn vị kinh doanh trạm dừng nghỉ công bố theo các hạng mục công trình quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ và gửi văn bản công bố đến Sở giao thông vận tải địa phương. Văn bản công bố theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trạm dừng nghỉ sau khi nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình có ảnh hưởng đến các yếu tố kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ thì thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này để tiếp tục duy trì hoạt động.

3. Tổ chức thực hiện

a) Đơn vị kinh doanh trạm dừng nghỉ: Tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ và các quy định pháp luật có liên quan trong suốt quá trình khai thác trạm dừng nghỉ; Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trước khi đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin công bố;

b) Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận văn bản công bố của đơn vị kinh doanh trạm dừng nghỉ trên địa bàn địa phương; Định kỳ hàng tháng, Sở Giao thông vận tải công bố thông tin về danh mục các trạm dừng nghỉ trên địa bàn trên Trang thông tin điện tử của Sở; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đối với các đơn vị kinh doanh trạm dừng nghỉ trên địa bàn địa phương;

c) Cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ.

4. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới tương ứng.

**Điều 45. Quy định về hoạt động của bãi đỗ xe, điểm dừng xe**

1. Yêu cầu đối với bãi đỗ xe

a) Đảm bảo an ninh, trật tự; đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường;

b) Đường ra, vào bãi đỗ xe phải được bố trí đảm bảo an toàn và không gây ùn tắc giao thông.

2. Nội dung kinh doanh tại bãi đỗ xe

a) Dịch vụ trông giữ phương tiện;

b) Tổ chức các dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện;

c) Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quy định đối với đơn vị quản lý, kinh doanh bãi đỗ xe

a) Đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy, nổ tại bãi đỗ xe;

b) Niêm yết công khai nội quy, giá các dịch vụ tại bãi đỗ xe, tên và số điện thoại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để chủ xe phản ánh, khiếu nại khi cần thiết;

c) Bồi thường thiệt hại cho người gửi xe nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng phương tiện nhận gửi;

d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Kinh doanh các loại dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này;

e) Thu tiền trông giữ phương tiện;

g) Không được để các chủ phương tiện kinh doanh vận tải sử dụng bãi đỗ xe để đón, trả khách hoặc xếp dỡ hàng hóa, đóng gói, sang tải và bảo quản hàng hóa;

h) Có quyền từ chối phục vụ đối với chủ phương tiện không chấp hành nội quy bãi đỗ xe.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ phương tiện hoặc người lái xe tại bãi đỗ xe

a) Chấp hành nội quy và sự hướng dẫn của nhân viên điều hành bãi đỗ xe;

b) Có quyền lựa chọn sử dụng các dịch vụ tại bãi đỗ xe;

c) Có quyền phản ánh, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền về các hành vi vi phạm của bãi đỗ xe.

5. Quy định về điểm dừng xe

a) Điểm dừng xe chỉ được bố trí tại các vị trí đảm bảo an toàn giao thông, thuận tiện cho người lên, xuống xe;

b) Có đủ diện tích để xe dừng đón, trả khách bảo đảm không ảnh hưởng đến các phương tiện lưu thông trên đường.

6. Sở Giao thông vận tải tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, quản lý hoạt động của bãi đỗ xe, điểm dừng xe trên địa bàn.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Nghị định số […./2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx) và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Chương V**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

**Điều 46. Cục Đường bộ Việt Nam**

1. Quản lý theo thẩm quyền hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

2. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 Điều 39, khoản 5 Điều 41 và điểm c khoản 3 Điều 44 của Thông tư này

3. Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam biên soạn tài liệu, chương trình khung tập huấn nghiệp vụ vận tải cho lái xe kinh doanh vận tải tại các đơn vị kinh doanh vận tải trình Bộ Giao thông vận tải ban hành.

4. Công bố cấu trúc thông tin, thiết bị, trình tự kiểm tra thông tin của mã QR trên phù hiệu.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, tổ chức triển khai áp dụng thống nhất trong toàn quốc

a) Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin - Bộ Giao thông vận tải để xây dựng hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu về hoạt động vận tải đường bộ; phần mềm quản lý tuyến vận tải khách cố định toàn quốc;

b) Chủ trì xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục cấp, cấp đổi giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, phù hiệu, biển hiệu, thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định để áp dụng trong toàn quốc; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính của các Sở Giao thông vận tải; đề xuất nâng cấp dịch vụ công trực tuyến để giải quyết các thủ tục hành chính về hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

6. Rà soát và thực hiện cắm biển hạn chế tốc độ đối với xe khách có giường nằm hai tầng tại các vị trí cần thiết, đặc biệt là khu vực có địa hình đèo, dốc, tại các vị trí có bán kính đường cong nhỏ trên các tuyến quốc lộ.

7. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về tổ chức quản lý vận tải, hoạt động kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong ngành Giao thông vận tải chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi thực hiện Thông tư này.

**Điều 47. Sở Giao thông vận tải**

1. Quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trên địa bàn địa phương và theo thẩm quyền.

2. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 6 Điều 39, khoản 4 Điều 41 và điểm b khoản 3 Điều 44 của Thông tư này.

3. Báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam về hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trên địa bàn địa phương.

4. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố

a) Danh mục mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt, danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh; vị trí các điểm dừng đón, trả khách cho vận tải hành khách trên tuyến cố định trên mạng lưới đường bộ thuộc địa bàn địa phương;

b) Các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với hành khách đi lại bằng xe buýt và đơn vị hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn đối với các tuyến có trợ giá;

d) Kế hoạch phát triển và quản lý phương tiện kinh doanh vận tải phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn;

đ) Quy định cụ thể về việc quản lý hoạt động của xe ô tô vận tải trung chuyển hành khách trên địa bàn địa phương.

5. Quyết định phê duyệt biểu đồ chạy xe trên các tuyến xe buýt; mở, ngừng hoạt động, điều chỉnh biểu đồ, hành trình, tần suất chạy xe đối với các tuyến xe buýt trên địa bàn.

6. Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo quy định.

7. Tiếp nhận, tổng hợp, phân tích, khai thác sử dụng các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của xe do đơn vị kinh doanh vận tải (hoặc tổ chức được ủy quyền) cung cấp và từ cơ sở dữ liệu của Cục Đường bộ Việt Nam để phục vụ công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải.

8. Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập trang thông tin điện tử về quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô của địa phương. Tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến để giải quyết các thủ tục hành chính về hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định.

9. Khai thác, sử dụng dữ liệu trên phần mềm quản lý bến xe khách của các bến xe để phục vụ công tác quản lý bến xe, thanh tra, kiểm tra hoạt động của các bến xe khách trên địa bàn và người lái xe kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương.

10. Quản lý, tổ chức thực hiện việc in ấn Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu đã được ban hành tại Thông tư này; cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô cho đơn vị kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hóa trên địa bàn địa phương.

11. Quản lý, tổ chức thực hiện việc in ấn các loại phù hiệu theo các mẫu đã được ban hành tại Thông tư này; cấp, cấp lại các loại phù hiệu, biển hiệu theo quy định.

12. Chỉ đạo, giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải cho nhân viên phục vụ trên xe và công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người lái xe do các Đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương hoặc Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam hoặc Hiệp hội vận tải ô tô địa phương tổ chức theo quy định.

13. Công bố đưa vào khai thác điểm dừng đón, trả khách cho vận tải hành khách trên tuyến cố định trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

14. Quản lý hoạt động vận tải hành khách đối với xe khách có giường nằm hai tầng

a) Kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị có sử dụng xe khách có giường nằm hai tầng;

b) Rà soát và thực hiện cắm biển hạn chế tốc độ đối với xe khách có giường nằm hai tầng tại các vị trí cần thiết, đặc biệt là khu vực có địa hình đèo, dốc, tại các vị trí có bán kính đường cong nhỏ trên các tuyến đường do địa phương quản lý.

15. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về tổ chức quản lý vận tải, hoạt động kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật.

16. Định kỳ từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, Sở Giao thông vận tải công bố danh sách phương tiện (biển số đăng ký xe), loại phù hiệu, biển hiệu đã cấp và thời hạn có hiệu lực của phù hiệu, biển hiệu) và đơn vị kinh doanh vận tải (tên đơn vị, loại hình kinh doanh đã được cấp, thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; danh sách phương tiện bị thu hồi, bị tước phù hiệu, biển hiệu; danh sách đơn vị kinh doanh vận tải bị thu hồi, bị tước Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô của tháng liền trước trên Trang thông tin điện tử của Sở để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

**Điều 48. Quy định về chế độ báo cáo**

1. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải; Báo cáo kết quả hoạt động của bến xe

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động vận tải, bến xe;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động của đơn vị vận tải, bến xe;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị kinh doanh vận tải, bến xe;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Sở Giao thông vận tải;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng tháng;

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 của tháng tiếp theo kỳ báo cáo;

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo;

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 22, Phụ lục 23 và Phụ lục 24 của Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ của địa phương

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa; hoạt động của các bến xe trên địa bàn;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đường bộ Việt Nam;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm;

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến ngày 30 tháng 11 năm báo cáo;

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 25 Thông tư này.

3. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên phạm vi toàn quốc như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa; hoạt động của các bến xe trên địa bàn;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm;

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo;

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến ngày 30 tháng 11 năm báo cáo;

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 25 Thông tư này.

**Điều 49. Quy định chuyển tiếp**

a) Các loại phù hiệu cấp cho xe kinh doanh vận tải thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 36 của Nghị định 10/2020/NĐ-CP và mẫu theo quy định tại Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hạn sử dụng;

b) Bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ được tiếp tục thực hiện cho đến khi Quyết định công bố hết hiệu lực.

**Điều 50. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Bãi bỏ các Thông tư:

a) Thông tư số [12/2020/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-12-2020-tt-bgtvt-quan-ly-hoat-dong-van-tai-bang-xe-o-to-va-dich-vu-ho-tro-van-tai-duong-bo-292769.aspx) ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

b) Điều 8 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực vận tải đường bộ;

c) Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 01 tháng 2 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [12/2020/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-12-2020-tt-bgtvt-quan-ly-hoat-dong-van-tai-bang-xe-o-to-va-dich-vu-ho-tro-van-tai-duong-bo-292769.aspx) ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

d) Thông tư số [17/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-17-2022-tt-bgtvt-sua-doi-thong-tu-12-2020-tt-bgtvt-quan-ly-van-tai-bang-o-to-522401.aspx) ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [12/2020/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-12-2020-tt-bgtvt-quan-ly-hoat-dong-van-tai-bang-xe-o-to-va-dich-vu-ho-tro-van-tai-duong-bo-292769.aspx) ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

đ) Điều 17 Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;

e) Thông tư số [18/2024/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-17-2022-tt-bgtvt-sua-doi-thong-tu-12-2020-tt-bgtvt-quan-ly-van-tai-bang-o-to-522401.aspx) ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

**Điều 51. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 51;  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;  - Bộ trưởng (để báo cáo);  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Công báo;  - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;  - Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;  - Lưu: VT, VT. | BỘ TRƯỞNG **Nguyễn Văn Thắng** |